

Số: 872/TB-ĐHQN

Bình Định, ngày 20 tháng 5 năm 2021

**THÔNG BÁO SỐ 3**  
**Tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ, đợt 2 năm 2021**  
**tại Trường Đại học Quy Nhơn**

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 5508/QĐ-ĐHQN ngày 12/11/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn

Căn cứ Kế hoạch đào tạo sau đại học năm học 2020-2021 và Phương án tuyển sinh sau đại học năm 2021 đã được Hội đồng trường Trường Đại học Quy Nhơn phê duyệt,

Trường Đại học Quy Nhơn thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ, đợt 2 năm 2021 tại Trường Đại học Quy Nhơn, với các nội dung như sau:

**1. Ngành/chuyên ngành tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh và môn thi tuyển sinh**

1.1. Tổng chỉ tiêu tuyển sinh cho tất cả các ngành/chuyên ngành: 665 học viên

1.2. Các môn thi tuyển sinh: Thí sinh dự thi 03 môn (thi viết)

| T<br>T | Ngành/chuyên ngành        | Mã số   | Các môn thi tuyển sinh        |                            |                      | Chỉ tiêu năm 2021 |
|--------|---------------------------|---------|-------------------------------|----------------------------|----------------------|-------------------|
|        |                           |         | Chủ chốt của ngành (180 phút) | Chuyên ngành (180 phút)    | Ngoại ngữ (120 phút) |                   |
| 1      | Chính trị học             | 8310201 | Triết học                     | Chính trị học              | Tiếng Anh            | 25                |
| 2      | Địa lí tự nhiên           | 8440217 | Địa lý học                    | Địa lí tự nhiên Việt Nam   | Tiếng Anh            | 20                |
| 3      | Hóa vô cơ                 | 8440113 | Cơ sở lý thuyết hóa học       | Hóa vô cơ-hữu cơ-phân tích | Tiếng Anh            | 25                |
| 4      | Hóa lí thuyết và hóa lí   | 8440119 | Cơ sở lý thuyết hóa học       | Hóa vô cơ-hữu cơ-phân tích | Tiếng Anh            | 25                |
| 5      | Kế toán                   | 8340301 | Kinh tế học                   | Nguyên lý kế toán          | Tiếng Anh            | 30                |
| 6      | Kỹ thuật điện             | 8520201 | Lý thuyết mạch điện           | Máy điện                   | Tiếng Anh            | 15                |
| 7      | Kỹ thuật viễn thông       | 8520208 | Mạch và xử lý tín hiệu        | Điện tử số                 | Tiếng Anh            | 15                |
| 8      | Khoa học dữ liệu ứng dụng | 8904648 | Xác xuất thống kê             | Cơ sở lập trình            | Tiếng Anh            | 20                |
| 9      | Khoa học máy tính         | 8480101 | Toán rời rạc                  | Tin học cơ sở              | Tiếng Anh            | 20                |

|                  |   |         |  |                                 |                             |            |
|------------------|---|---------|--|---------------------------------|-----------------------------|------------|
| 10               | Lịch sử Việt Nam                                | 8229013 | Lý luận Sử học                         | Lịch sử Việt Nam                | Tiếng Anh                   | 15         |
| 11               | Ngôn ngữ học                                    | 8229020 | Ngôn ngữ học đại cương                 | Việt ngữ học                    | Tiếng Anh                   | 15         |
| 12               | Quản lý giáo dục                                | 8140114 | Giáo dục học                           | Khoa học quản lý giáo dục       | Tiếng Anh                   | 40         |
| 13               | Quản lý kinh tế                                 | 8310110 | Kinh tế chính trị                      | Quản lý nhà nước về kinh tế     | Tiếng Anh                   | 45         |
| 14               | Quản trị kinh doanh                             | 8340101 | Quản trị học                           | Khởi sự kinh doanh              | Tiếng Anh                   | 45         |
| 15               | Sinh học thực nghiệm                            | 8420114 | Sinh học đại cương                     | Di truyền-Sinh lý học           | Tiếng Anh                   | 30         |
| 16               | Văn học Việt Nam                                | 8220121 | Lý luận văn học                        | Văn học Việt Nam                | Tiếng Anh                   | 20         |
| 17               | Vật lý chất rắn                                 | 8440104 | Toán cho Vật lý                        | Vật lý chất rắn                 | Tiếng Anh                   | 30         |
| 18               | Đại số và lí thuyết số                          | 8460104 | Giải tích                              | Đại số                          | Tiếng Anh                   | 25         |
| 19               | Phương pháp toán sơ cấp                         | 8460113 | Giải tích                              | Đại số                          | Tiếng Anh                   | 40         |
| 20               | Toán giải tích                                  | 8460102 | Đại số                                 | Giải tích                       | Tiếng Anh                   | 25         |
| 21               | Ngôn ngữ Anh                                    | 8220201 | Kỹ năng thực hành tiếng Anh (120 phút) | Ngôn ngữ Anh                    | Tiếng Pháp hoặc Tiếng Trung | 30         |
| 22               | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh | 8140111 |  | Phương pháp giảng dạy tiếng Anh |                             | 35         |
| 23               | Lý luận và phương pháp dạy học tiểu học         | 8140110 |  |                                 | Tiếng Anh                   | 25         |
| 24               | Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn GDTC      | 8140111 |  |                                 | Tiếng Anh                   | 25         |
| 25               | Hệ thống nông nghiệp                            | 8620118 |  |                                 | Tiếng Anh                   | 25         |
| <b>Tổng cộng</b> |   |         |  |                                 |                             | <b>665</b> |

**Đối với các ngành:** *Lý luận và phương pháp dạy học tiểu học, Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Giáo dục thể chất, Hệ thống nông nghiệp, Nhà trường đang đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép tuyển sinh trong năm 2021.*

## 2. Mục tiêu, thời gian và địa điểm đào tạo

### 2.1. Mục tiêu đào tạo

Đào tạo trình độ thạc sĩ giúp cho người học bổ sung, cập nhật và nâng cao kiến thức ngành, chuyên ngành; tăng cường kiến thức liên ngành; có kiến thức chuyên sâu

trong một lĩnh vực khoa học hoặc kỹ năng vận dụng kiến thức đó vào hoạt động nghề nghiệp; có khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề thuộc ngành, chuyên ngành được đào tạo.

## 2.2. Hình thức, thời gian đào tạo

- Đào tạo trình độ thạc sĩ được thực hiện theo hình thức giáo dục chính quy, bao gồm chính quy tập trung (tập trung học liên tục) và chính quy không tập trung (tập trung từng đợt).

- Thời gian đào tạo: 02 năm học (học chủ yếu vào các ngày thứ Bảy và Chủ nhật hàng tuần). Riêng hai chuyên ngành *Kỹ thuật điện* và *Kỹ thuật viễn thông* là 1,5 năm học.

2.3. Địa điểm đào tạo: Tại Trường Đại học Quy Nhơn, 170 An Dương Vương, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

**3. Điều kiện dự thi, Miễn thi ngoại ngữ, Đối tượng và chính sách ưu tiên:** Theo Phụ lục 2, xem tại website <http://tuyensinh.qnu.edu.vn/> hoặc <http://pdtsaudaihoc.qnu.edu.vn/>

## 4. Học bổ sung kiến thức và ôn tập các môn thi tuyển sinh

### 4.1. Hồ sơ đăng ký học bổ sung kiến thức

a) Thời gian đăng ký học bổ sung kiến thức: **Từ ngày ra Thông báo đến hết ngày 23/7/2021.** *Cụ thể:*

- *Bước 1:* Thí sinh đăng ký trực tuyến tại địa chỉ: <http://tss.qnu.edu.vn/>

- *Bước 2:* Nộp đầy đủ hồ sơ gồm: *Phiếu đăng ký học, Bằng và Bảng điểm tốt nghiệp đại học* tại Phòng Đào tạo sau đại học (nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường Bưu điện về địa chỉ: *Phòng Đào tạo sau đại học, Trường Đại học Quy Nhơn, 170 An Dương Vương, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Điện thoại: (0256)3 518070.*

Danh mục ngành đúng, phù hợp, ngành gần với ngành/chuyên ngành đăng ký dự thi xem tại Phụ lục 1 của Thông báo này.

Căn cứ vào số lượng thí sinh đăng ký học bổ sung kiến thức, Trường Đại học Quy Nhơn sẽ thông báo số lượng các môn học bổ sung kiến thức, kế hoạch học và thi các môn bổ sung kiến thức đến từng thí sinh trước ngày tổ chức lớp học.

b) Thời gian học và thi các môn bổ sung kiến thức: **Dự kiến từ ngày 30/7/2021 đến ngày 29/8/2021 (các buổi tối và cả ngày thứ Bảy, Chủ nhật).**

### 4.2. Đăng ký ôn tập các môn thi tuyển sinh

a) Số tiết hướng dẫn ôn tập các môn thi tuyển sinh:

- Đối với môn chủ chốt của ngành và chuyên ngành: 20 tiết/1 môn (05 tiết/buổi).

- Đối với môn ngoại ngữ (*Anh, Pháp, Trung*): 30 tiết/1 môn (05 tiết/buổi).

b) Đăng ký và nộp lệ phí ôn tập: Từ ngày ra thông báo đến 15h00, ngày 27/8/2021.

c) Thời gian hướng dẫn ôn tập: **Dự kiến từ ngày 09/9/2021 đến ngày 26/9/2021 (các buổi tối và cả ngày thứ Bảy, Chủ nhật).**

## 5. Thời gian và địa điểm nhận hồ sơ và lệ phí dự thi

**5.1. Thời gian nhận hồ sơ:** Từ ngày ra Thông báo **đến hết ngày 17/9/2021**. *Cụ thể:*

- *Bước 1:* Thí sinh đăng ký trực tuyến tại địa chỉ: [tss.qnu.edu.vn](http://tss.qnu.edu.vn)

- *Bước 2:* Nộp đầy đủ hồ sơ (theo mục 6 của Thông báo này) tại Phòng Đào tạo sau đại học (nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện về địa chỉ: *Phòng Đào tạo sau đại học, Trường Đại học Quy Nhơn, 170 An Dương Vương, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Điện thoại: (0256)3 518070*).

**5.2. Lệ phí dự thi:** 420.000 đồng/01 hồ sơ đăng ký dự thi. Thí sinh đăng ký tham gia dự tuyển nộp lệ phí tại Phòng Kế hoạch - Tài chính của Trường trước khi nộp hồ sơ dự thi tại Phòng Đào tạo sau đại học.

**6. Hồ sơ đăng ký dự thi:** Theo Phụ lục 2, xem tại website <http://tuyensinh.qnu.edu.vn/> hoặc <http://pdt Saudaihoc.qnu.edu.vn/>

## 7. Thời gian thi tuyển và địa điểm tổ chức thi tuyển

**7.1. Thời gian tổ chức thi tuyển:** Dự kiến vào các ngày **09 và 10/10/2021**.

**7.2. Địa điểm tổ chức thi tuyển:** Trường Đại học Quy Nhơn.

## 8. Nhập học và khai giảng khóa học

**8.1. Thời gian nhập học:** Dự kiến ngày 22/10/2021.

**8.2. Thời gian học Kỳ I:** Dự kiến từ ngày 22/10/2021.

Nếu có điều chỉnh về kế hoạch tuyển sinh, đợt 2 năm 2021, Trường Đại học Quy Nhơn sẽ thông báo cụ thể trong Thông báo tiếp theo.

**Để biết thêm thông tin chi tiết, xin vui lòng liên hệ:**

Phòng Đào tạo sau đại học, Trường Đại học Quy Nhơn: P.66 - Nhà 15 tầng, 170 An Dương Vương, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Điện thoại: (0256) 3518 070; Hotline: 0905.450.117 (Chuyên viên Trần Cuộc Cường);

Email: [psdh@qnu.edu.vn](mailto:psdh@qnu.edu.vn);

Website: <http://tuyensinh.qnu.edu.vn/> hoặc <http://pdt Saudaihoc.qnu.edu.vn/>.

### Nơi nhận:

- Các Phó HT (để phối hợp, điều hành)
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- Website BGD&ĐT, Trường và đơn vị;
- Lưu: VT, ĐTSĐH. *VT*



**HIỆU TRƯỞNG**

**PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ**



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**PHỤ LỤC 1**  
**DANH MỤC NGÀNH ĐÚNG, NGÀNH PHÙ HỢP, NGÀNH GẦN VỚI NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH ĐĂNG KÝ DỰ THI VÀ CÁC HỌC PHẦN BỔ SUNG KIẾN THỨC**

(Kèm theo Thông báo số 872/TB-ĐHQN ngày 20/5/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

| TT | Chuyên ngành         | Ngành đúng, phù hợp  | Ngành gần  | Các học phần học bổ sung kiến thức đối với ngành gần  | Ngành khác   | Các học phần học bổ sung kiến thức đối với ngành khác  |
|----|----------------------|--|--|---|--|--|
| 1  | <b>Chính trị học</b> | - Trùng tên với chuyên ngành đăng ký dự thi thạc sĩ: Chính trị học.<br>- Hoặc nội dung chương trình đào tạo trình độ đại học khác nhau dưới 10% khối kiến thức ngành so chương trình đào tạo chuyên ngành Giáo dục chính trị tại Trường Đại học Quy Nhơn | - Ngành tốt nghiệp đại học: Quản lý nhà nước, Lịch sử, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước, Khoa học an ninh, Quan hệ quốc tế, Hành chính công, Lý luận Nhà nước và Pháp luật, Công tác xã hội, Đông phương học, Kinh tế chính trị, Kinh tế phát triển, Xã hội học, Tôn giáo học, Quản lý văn hóa, Văn hóa học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Triết học, Cử nhân chính trị (chuyên ngành Tổ chức, Kiểm tra, Dân vận)... | 1. Quyền lực và quyền lực chính trị<br>2. Hệ thống chính trị Việt Nam hiện đại<br>3. Thể chế chính trị thế giới đương đại | Trường hợp người có bằng tốt nghiệp đại học ngành khác đăng ký dự thi vào chuyên ngành Chính trị học thì căn cứ vào trình độ Lý luận chính trị, Trường sẽ thông báo số học phần phải học bổ sung kiến thức theo quy định | 1. Quyền lực và quyền lực chính trị<br>2. Hệ thống chính trị Việt Nam hiện đại<br>3. Thể chế chính trị thế giới đương đại<br>4. Lịch sử tư tưởng chính trị Phương Đông và Việt Nam<br>5. Văn hóa chính trị<br>6. Lịch sử tư tưởng chính trị Phương Tây |

|   |                                |  |  |   |  |  |
|---|--------------------------------|--|--|---|--|--|
|   |                                |  | - Hoặc nội dung chương trình đào tạo trình độ đại học khác nhau từ 10% - 40% khối kiến thức ngành so với chương trình đào tạo chuyên ngành Giáo dục chính trị tại Trường Đại học Quy Nhơn. |   |  |  |
| 2 | <b>Địa lí tự nhiên</b>         | - Su phạm Địa lí<br>- Địa lí tự nhiên<br>- Địa lí Tài nguyên và môi trường<br>- Khí tượng<br>- Thủy văn<br>- ... | - Địa lí học<br>- Địa lí tài nguyên<br>- Tài nguyên môi trường<br>- Quản lý đất đai<br>- Lâm nghiệp<br>- ...   | 1. Địa lí tự nhiên đại cương<br>2. Địa lí Việt Nam<br>3. Sinh thái cảnh quan và địa sinh vật  |  |  |
| 3 | <b>Hóa vô cơ</b>               | - Su phạm Hóa học<br>- Hóa học   | - Công nghệ vật liệu<br>- Công nghệ thực phẩm<br>- Công nghệ kỹ thuật môi trường<br>- Hóa dược<br>- Kỹ thuật hoá học<br>- Công nghệ kỹ thuật hóa học<br>- ...                              | 1. Cơ sở hóa lý và hóa lý thuyết<br>2. Hóa nguyên tố<br>3. Cơ sở lý thuyết hóa vô cơ<br>4. Cơ sở lý thuyết hóa hữu cơ<br>5. Cơ sở lý thuyết hóa phân tích |  |  |
| 4 | <b>Hóa lí thuyết và hóa lí</b> | - Su phạm Hóa học<br>- Hóa học<br>- Công nghệ kỹ thuật hóa học (Hoặc Công nghệ hóa học các                       | - Kỹ thuật môi trường<br>- Công nghệ môi trường<br>- Công nghệ vật liệu<br>- Hóa sinh  | 1. Nhiệt động lực hóa học<br>2. Động hóa học<br>3. Điện hóa học và Hóa keo<br>Cơ sở Hóa lượng tử  |  |  |

|   |                          |  |  |   |  |  |
|---|--------------------------|--|--|---|--|--|
|   |                          | chuyên ngành Hóa vô cơ, Hóa hữu cơ, Hóa dầu, Hóa silicat, Điện hóa, Hóa lí)<br>- Công nghệ kỹ thuật Hóa thực phẩm<br>- Hóa môi trường<br>- Hóa vật liệu<br>...   | - Hóa dược<br>- ...  |   |  |  |
| 5 | <b>Kế toán</b>           | - Kế toán<br>- Kiểm toán<br>- Kế toán-Kiểm toán  | - Kinh tế<br>- Tài chính-Ngân hàng<br>- Quản trị kinh doanh<br>- Quản lý kinh tế<br>- ...              | 1. Kế toán tài chính<br>2. Tổ chức hạch toán kế toán<br>3. Kế toán quản trị<br>4. Phân tích kinh doanh<br>5. Kiểm toán căn bản  |  |  |
| 6 | <b>Khoa học máy tính</b> | - Khoa học máy tính<br>- Hệ thống thông tin<br>- Sư phạm Tin học<br>- Công nghệ thông tin (Tin học)<br>- Tin học ứng dụng<br>- Công nghệ phần mềm<br>- Công nghệ kỹ thuật máy tính<br>- Mạng máy tính<br>- Kỹ thuật máy tính<br>- Toán - Tin | - Điện tử-Tin học<br>- Vật lý-Tin<br>- Điện tử-Viễn thông<br>- Kỹ thuật điện tử, truyền thông<br>- ... | 1. Nhập môn thuật toán<br>2. Cấu trúc dữ liệu và giải thuật<br>3. Toán rời rạc<br>4. Cơ sở dữ liệu<br>5. Lập trình hướng đối tượng<br>6. Ngôn ngữ hình thức và automat<br>7. Trí tuệ nhân tạo<br>8. Mạng máy tính |  |  |
| 7 | <b>Kỹ thuật điện</b>     | - Kỹ thuật điện<br>- Kỹ thuật điện, Điện tử  | - Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa   | 1. Mạng cung cấp điện<br>2. Ngăn mạch trong hệ  |  |  |

|   |                                  |   |  |  |  |  |
|---|----------------------------------|---|--|--|--|--|
|   |                                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công nghệ kỹ thuật điện, Điện tử</li> <li>- Điện công nghiệp và dân dụng</li> <li>- Thiết bị điện, Điện tử</li> <li>- Hệ thống điện</li> <li>- Mạng và Hệ thống điện</li> <li>- Điện khí hóa và cung cấp điện</li> <li>- Sư phạm Kỹ thuật điện, điện tử</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa</li> <li>- Tự động hóa</li> <li>- Điều khiển tự động</li> <li>- Đo lường và Tin học công nghiệp</li> <li>- Kỹ thuật nhiệt – điện lạnh</li> <li>- Kỹ thuật cơ – điện tử</li> <li>- Công nghệ Kỹ thuật cơ – điện tử</li> </ul>   | <ul style="list-style-type: none"> <li>thông điện</li> <li>3. Kỹ thuật điện cao áp</li> <li>4. Bảo vệ role trong hệ thống điện</li> <li>5. Nhà máy điện và trạm biến áp</li> </ul>   |  |  |
| 8 | <b>Khoa học dữ liệu ứng dụng</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoa học dữ liệu</li> <li>- Toán ứng dụng</li> <li>- Toán tin</li> <li>- Thống kê</li> <li>- Khoa học máy tính</li> <li>- Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu</li> <li>- Kỹ thuật phần mềm</li> <li>- Công nghệ thông tin</li> <li>- ...</li> </ul>              | <p>Ngành tốt nghiệp đại học thuộc một trong hai trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cùng nhóm ngành trong Danh mục giáo dục đào tạo Việt Nam cấp III (trừ các ngành được xem là đúng/phù hợp nêu trên); hoặc</li> <li>- Nội dung chương trình đào tạo trình độ đại học khác nhau từ 10% đến 40% khối kiến thức ngành so với chương trình đào tạo ngành Toán ứng dụng (chuyên ngành Khoa học dữ liệu), ngành Kỹ thuật phần mềm, và ngành Công</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>1. Đại số tuyến tính</li> <li>2. Giải tích</li> <li>3. Xác suất và thống kê</li> <li>4. Hệ quản trị cơ sở dữ liệu</li> <li>5. Lập trình cơ bản</li> <li>6. Nhập môn thuật toán</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các ngành còn lại trong Danh mục giáo dục đào tạo Việt Nam cấp III (trừ trường hợp đã được quy định là ngành đúng/phù hợp, ngành gần như trên).</li> </ul> <p>Thí sinh đăng ký dự thi phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm làm việc trong các lĩnh vực liên quan đến dữ liệu.</p> |  |



|    |                            |  |  |  |  |  |
|----|----------------------------|--|--|--|--|--|
|    |                            |  | nghệ thông tin tại Trường Đại học Quy Nhơn.  |  |  |  |
| 9  | <b>Kỹ thuật viễn thông</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ thuật điện tử</li> <li>- Kỹ thuật điện tử, truyền thông</li> <li>- Vô tuyến điện và thông tin liên lạc</li> <li>- Điện tử thông tin</li> <li>- Điện tử viễn thông</li> <li>- Kỹ thuật thông tin - Kỹ thuật viễn thông</li> </ul>   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ thuật điện, điện tử</li> <li>- Kỹ thuật máy tính</li> <li>- Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá</li> <li>- Công nghệ thông tin</li> <li>- ...</li> </ul>  | <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thông tin quang</li> <li>2. Thông tin vô tuyến</li> <li>3. Thông tin số</li> <li>4. Anten truyền sóng</li> </ol>   |  |  |
| 10 | <b>Lịch sử Việt Nam</b>    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lịch sử (chung), Lịch sử Việt Nam, Lịch sử thế giới</li> <li>- Su phạm Lịch sử, Su phạm Sử-Chính trị</li> <li>- Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</li> <li>- Lịch sử Sử học và Sử liệu học, Khảo cổ học</li> <li>- Lịch sử phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và giải phóng dân tộc</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam; Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài; Hồ Chí Minh học; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Triết học; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tôn giáo học; Xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước</li> <li>- Khoa học chính trị; Kinh tế học; Khu vực học; Quốc tế học; Quan hệ quốc tế; Xã hội học và Nhân học; Công tác xã hội; Dân tộc học; Lưu trữ học; Bảo tàng học; Hành chính học (Quản lý Nhà nước)</li> <li>- ....</li> </ul> | <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Lịch sử thế giới cổ-trung đại</li> <li>2. Lịch sử thế giới cận-hiện đại</li> <li>3. Lịch sử Việt Nam cổ-trung đại</li> <li>4. Lịch sử Việt Nam cận-hiện đại</li> <li>5. Nhập môn Sử học</li> <li>6. Phương pháp luận Sử học</li> </ol> |  |  |
| 11 | <b>Ngôn ngữ học</b>        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Su phạm Ngữ văn</li> <li>- Ngữ văn</li> </ul>   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo dục tiểu học</li> <li>- Giáo dục mầm non</li> </ul>  | <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Ngữ âm tiếng Việt</li> <li>2. Từ vựng – ngữ nghĩa</li> </ol>   |  |  |

|    |  |  |   |  |  |  |
|----|--|--|---|--|--|--|
|    |  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngôn ngữ học</li> <li>- Văn học</li> </ul>  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các ngành sư phạm: Tiếng Anh, Tiếng Nga, Tiếng Pháp, Tiếng Trung, ...</li> <li>- Các ngành ngôn ngữ: Anh, Nga, Pháp, Trung, ...</li> <li>- Việt Nam học</li> <li>- Các ngành Báo chí và Truyền thông</li> <li>- Hán Nôm; Văn hóa học</li> <li>- Quản lý văn hóa</li> <li>- ...</li> </ul>  | <ul style="list-style-type: none"> <li>tiếng Việt</li> <li>3. Ngữ pháp tiếng Việt</li> </ul>   |  |  |
| 12 | <b>Ngôn ngữ Anh</b>                                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sư phạm Tiếng Anh</li> <li>- Ngôn ngữ Anh (Tiếng Anh/Anh văn)</li> </ul>  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nga-Anh</li> <li>- Pháp-Anh</li> <li>- Trung-Anh</li> <li>- ...</li> </ul>   | <ul style="list-style-type: none"> <li>1. Nghe nâng cao</li> <li>2. Nói nâng cao</li> <li>3. Viết nâng cao</li> <li>4. Đọc nâng cao</li> <li>5. Lý thuyết tiếng</li> </ul>                               |  |  |
| 13 | <b>Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trùng tên với chuyên ngành đăng ký dự thi thạc sĩ: Sư phạm tiếng Anh, Ngôn ngữ Anh</li> <li>- - Hoặc nội dung chương trình đào tạo trình độ đại học khác nhau dưới 10% khối kiến thức ngành so chương trình đào tạo chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngành tốt nghiệp đại học: Sư phạm Nga-Anh, Sư phạm Pháp-Anh, Sư phạm Trung-Anh, Cử nhân Nga-Anh, Cử nhân Pháp-Anh, Cử nhân Trung-Anh</li> <li>- Hoặc nội dung chương trình đào tạo trình độ đại học khác nhau từ 10% - 40% khối kiến thức ngành so với chương trình đào tạo chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>1. Advanced Listening</li> <li>2. Advanced Speaking</li> <li>3. Advanced Writing</li> <li>4. Advanced Reading</li> <li>5. English teaching methodology</li> </ul> |  |  |

|    |                            |   |  |  |  |  |
|----|----------------------------|---|--|--|--|--|
|    |                            | tại Trường Đại học Quy Nhơn   | bộ môn tiếng Anh tại Trường Đại học Quy Nhơn.  |  |  |  |
| 14 | <b>Quản lý giáo dục</b>    | - Quản lý giáo dục<br>- Các ngành có chương trình đào tạo ở trình độ đại học khác dưới 10% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành so với ngành Quản lý giáo dục | - Các ngành khoa học giáo dục<br>- Các ngành đào tạo giáo viên   | 1. Tâm lý học quản lý<br>2. Tâm lý học đại cương<br>3. Giáo dục học đại cương<br>4. Lý luận dạy học<br>5. Lý luận giáo dục<br>6. Khoa học Quản lý giáo dục |  |  |
| 15 | <b>Quản trị kinh doanh</b> | - Quản trị kinh doanh;<br>- Kinh doanh thương mại<br>-  | - Marketing; Bất động sản<br>- Kinh doanh quốc tế<br>- Thương mại điện tử<br>- Kinh doanh thời trang và dệt may<br>- Tài chính – Ngân hàng<br>- Bảo hiểm; Kế toán<br>- Kiểm toán; Quản lý công<br>- Khoa học quản lý<br>- Quản trị nhân lực<br>- Hệ thống thông tin quản lý; Quản trị văn phòng<br>- Quan hệ lao động<br>- Quản lý dự án<br>- Quản trị doanh nghiệp<br>... | 1. Khởi sự kinh doanh;<br>2. Quản trị sản xuất;<br>3. Quản trị học.  | Trường hợp người có bằng tốt nghiệp ngành khác đăng ký dự thi vào ngành/chuyên ngành Quản trị kinh doanh thì phải có tối thiểu 02 (hai) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực quản trị, quản lý và phải học bổ sung kiến thức theo quy định. | 1. Khởi sự kinh doanh;<br>2. Quản trị sản xuất;<br>3. Quản trị học;<br>4. Kinh tế vi mô;<br>5. Kinh tế vĩ mô;<br>6. Marketing;<br>7. Quản trị tài chính. |
| 16 | <b>Quản lý kinh tế</b>     | - Quản lý kinh tế<br>- Kinh tế chính trị  | - Quản trị kinh doanh<br>- Quản lý giáo dục  | 1. Kinh tế học vi mô;<br>2. Kinh tế học vĩ mô;   | Trường hợp người có bằng tốt nghiệp  | 1. Khoa học quản lý<br>2. Kinh tế học vi mô  |

|    |                             |  |   |   |  |   |
|----|-----------------------------|--|---|---|--|---|
|    |                             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kinh tế học</li> <li>- Kinh tế đầu tư</li> <li>- Kinh tế phát triển</li> <li>- Kinh tế quốc tế</li> <li>- Kinh tế xây dựng</li> <li>- Kinh tế vận tải</li> <li>- Kinh tế công nghiệp</li> <li>- Kinh tế nông nghiệp</li> <li>- Kinh tế gia đình</li> <li>- Kinh tế tài nguyên và môi trường</li> <li>- Quản lý nhà nước</li> <li>- Quản lý xây dựng</li> <li>- Quản lý đất đai</li> <li>- Quản lý tài nguyên và môi trường</li> <li>- Quản lý công nghiệp</li> <li>- Quản lý dự án</li> <li>- Quản lý công</li> <li>- Quản lý đô thị và công trình</li> <li>- Quản lý thị trường bất động sản</li> <li>- Thống kê kinh tế</li> <li>- ...</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quản trị khách sạn</li> <li>- Quản trị Dịch vụ du lịch và Lữ hành</li> <li>- Quản trị nhân lực</li> <li>- Quản trị văn phòng</li> <li>- Quản trị dự án</li> <li>- Bất động sản</li> <li>- Kinh doanh thời trang dệt may</li> <li>- Thương mại điện tử</li> <li>- Hệ thống thông tin và quản lý</li> <li>- Khoa học quản lý</li> <li>- Quản trị doanh nghiệp</li> <li>- Kinh doanh quốc tế</li> <li>- Kinh doanh thương mại</li> <li>- Marketing</li> <li>- Tài chính – Ngân hàng</li> <li>- Kế toán</li> <li>- Kiểm toán</li> <li>- Bảo hiểm</li> <li>- Quan hệ quốc tế</li> <li>- Khai thác vận tải</li> <li>...</li> </ul> | Quản lý nhà nước về kinh tế.  | <p>ngành khác đăng ký dự thi vào chuyên ngành Quản lý kinh tế thì phải có đủ kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực quản trị, quản lý và phải học bổ sung kiến thức theo quy định</p> | <p>3. Kinh tế học vĩ mô<br/>4. Quản lý nhà nước về tài chính công và công sản<br/>5. Quản lý nhà nước về kinh tế<br/>Quản lý công</p> |
| 17 | <b>Sinh học thực nghiệm</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh học</li> <li>- Sư phạm Sinh học</li> <li>- Sư phạm Kỹ thuật nông nghiệp</li> <li>- Nông học</li> </ul>   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lâm nghiệp</li> <li>- Chăn nuôi</li> <li>- Bảo vệ thực vật</li> <li>- Thủy sản</li> <li>- Thú y</li> </ul>   | <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Sinh lý học thực vật</li> <li>2. Sinh lý học động vật</li> <li>3. Trồng trọt</li> <li>4. Chăn nuôi</li> </ol> |  |   |

|    |                                |   |  |  |  |  |
|----|--------------------------------|---|--|--|--|--|
|    |                                |   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trồng trọt</li> <li>- Công nghệ sinh học</li> <li>- Sinh học môi trường</li> <li>- ...</li> </ul>   |  |  |  |
| 18 | <b>Văn học Việt Nam</b>        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Su phạm Ngữ văn</li> <li>- Ngữ văn</li> <li>- Ngôn ngữ học</li> <li>- Văn học</li> </ul>                           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo chí</li> <li>- Việt Nam học</li> <li>- Đông phương học</li> <li>- Hán Nôm</li> <li>- Sáng tác văn học</li> <li>- ...</li> </ul>   | <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Lý luận văn học</li> <li>2. Văn học dân gian và văn học Trung đại Việt Nam</li> <li>3. Văn học hiện đại Việt Nam</li> <li>4. Cơ sở ngữ văn Hán Nôm</li> </ol>  |  |  |
| 19 | <b>Vật lý chất rắn</b>         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Su phạm Vật lý</li> <li>- Cử nhân Vật lý hoặc Kỹ sư Vật lý</li> <li>- Su phạm Lý – Kỹ thuật công nghiệp</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoa học vật liệu</li> <li>- Vật lý lý thuyết</li> <li>- Vật lý hạt nhân</li> <li>- Thiên văn học</li> <li>- Cử nhân các ngành Hóa, Khoa học trái đất, Khoa học môi trường</li> <li>- Su phạm Kỹ thuật công nghiệp</li> </ul> | <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Cơ học lượng tử</li> <li>2. Vật lý chất rắn đại cương</li> <li>3. Vật liệu tiên tiến và ứng dụng</li> <li>4. Kỹ thuật phân tích vật liệu</li> <li>5. Phương pháp toán lý</li> <li>6. Vật liệu bán dẫn và điện môi</li> </ol> |  |  |
| 20 | <b>Đại số và lý thuyết số</b>  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Su phạm Toán</li> </ul>  | Toán-Tin   | <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Giải tích hàm;</li> <li>2. Đại số đại cương;</li> <li>3. Giải tích số.</li> </ol>  |  |  |
| 21 | <b>Toán giải tích</b>          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Toán học</li> <li>- Toán học ứng dụng</li> </ul>   |  |  |  |  |
| 22 | <b>Phương pháp toán sơ cấp</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Toán cơ</li> </ul>   |  |  |  |  |

**Ghi chú:** Đối với đối tượng dự thi thuộc ngành gần, ngành khác với chuyên ngành đăng ký dự thi, căn cứ vào bảng điểm tốt nghiệp và hình thức đào tạo đại học của thí sinh đăng ký dự thi, Trường Đại học Quy Nhơn quyết định các học phần bổ sung kiến thức phù hợp.

*mmuuu/*



## PHỤ LỤC 2

### ĐIỀU KIỆN DỰ THI, MIỄN THI NGOẠI NGỮ, ĐỐI TƯỢNG VÀ CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN VÀ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ THI

(Kèm theo Thông báo số 872/TB-ĐHQN ngày 20/5/2021  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

**1. Điều kiện dự thi:** Người dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ phải thỏa mãn các điều kiện sau:

#### 1.1. Về văn bằng

a) Đã tốt nghiệp đại học ngành *đúng*, ngành *phù hợp* với chuyên ngành đăng ký dự thi.

b) Đã tốt nghiệp đại học ngành *gần* với chuyên ngành đăng ký dự thi và đã học bổ sung kiến thức theo quy định.

c) Người tốt nghiệp đại học một số ngành khác theo quy định tại Khoản 3 và Khoản 4, Điều 6 của Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/05/2014 có thể đăng ký dự thi vào ngành, chuyên ngành nói trên sau khi đã học bổ sung kiến thức theo quy định.

Danh mục các ngành/chuyên ngành *đúng*, *phù hợp*, ngành *gần*, ngành khác với các chuyên ngành nói trên xem tại Phụ lục 1 của Thông báo tuyển sinh.

#### 1.2. Về kinh nghiệm công tác

a) Đối với chuyên ngành Quản lý giáo dục

- Người có bằng đại học ngành *đúng*, ngành *phù hợp* với chuyên ngành Quản lý giáo dục được tham dự thi ngay sau khi tốt nghiệp đại học.

- Người có bằng đại học thuộc ngành *gần* phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác; đối với người có bằng đại học ngành khác phải có ít nhất 02 năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực giáo dục đào tạo.

b) Đối với các chuyên ngành Quản trị kinh doanh và Quản lý kinh tế

- Người có bằng đại học ngành *đúng*, ngành *phù hợp* với chuyên ngành Quản trị kinh doanh, Quản lý kinh tế được tham dự thi ngay sau khi tốt nghiệp đại học.

- Người có bằng tốt nghiệp ngành khác đăng ký dự thi vào chuyên ngành Quản trị kinh doanh, Quản lý kinh tế thì phải có đủ kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực quản lý, quản trị.

c) Đối với chuyên ngành khác: Không yêu cầu về kinh nghiệm công tác.

1.3. *Lý lịch bản thân rõ ràng*, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi thí sinh đang công tác hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú của thí sinh xác nhận.

1.4. *Có đủ sức khỏe để học tập.*

1.5. *Nộp hồ sơ, lệ phí dự thi đầy đủ, đúng thời hạn* theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trường Đại học Quy Nhơn.

1.6. *Về kết quả học bổ sung kiến thức*

Đối với các thí sinh dự thi thuộc đối tượng phải học bổ sung kiến thức, thí sinh đăng ký học bổ sung kiến thức tại Trường Đại học Quy Nhơn hoặc các cơ sở đào tạo khác và có bảng điểm môn học trước khi dự thi cao học.

**2. Miễn thi ngoại ngữ:** Thí sinh thuộc một trong các trường hợp sau được miễn thi môn ngoại ngữ:

- Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

- Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam hoặc bằng kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng;

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài;

- Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tối thiểu từ cấp độ 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương trong thời hạn 02 năm từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự thi, được cấp bởi một trong các trung tâm khảo thí quốc tế có thẩm quyền hoặc một trong các cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hoặc công nhận (theo Bảng dưới đây), và chứng nhận năng lực ngoại ngữ cấp độ 3/6 do Trường Đại học Quy Nhơn cấp.

**Tiếng Anh:**

| Cấp độ (CEFR)  | IELTS | TOEFL                              | TOEIC | Cambridge Exam     | BEC                     | BULATS | Khung Châu Âu |
|----------------|-------|------------------------------------|-------|--------------------|-------------------------|--------|---------------|
| 3/6 (Khung VN) | 4.5   | 450<br>PBT<br>133<br>CBT<br>45 iBT | 450   | Preliminary<br>PET | Business<br>Preliminary | 40     | B1            |

(Các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu cần đạt được)

**Một số Tiếng khác:**

| Cấp độ (CEFR)  | Tiếng Nga | Tiếng Pháp               | Tiếng Đức | Tiếng Trung     | Tiếng Nhật |
|----------------|-----------|--------------------------|-----------|-----------------|------------|
| 3/6 (Khung VN) | TRKI 1    | DELTA B1<br>TCF niveau 3 | B1<br>ZD  | HSK<br>cấp độ 3 | JLPT N4    |

**3. Đối tượng và chính sách ưu tiên**

3.1. *Đối tượng ưu tiên*

a) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành;

- b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;
- c) Con liệt sĩ;
- d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;
- đ) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, được ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hóa học;
- e) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định tại Điểm a Mục 5.1.

### 3.2. Mức ưu tiên

Người dự thi thuộc các đối tượng ưu tiên quy định tại Mục 5.1 được cộng vào kết quả thi 01 điểm (thang điểm 10) cho môn thi chủ chốt của ngành và cộng 10 điểm (thang điểm 100) cho môn ngoại ngữ nếu người dự thi không thuộc diện được miễn thi môn ngoại ngữ.

### 3.3. Các loại giấy tờ cần nộp để hưởng chính sách ưu tiên

- Hợp đồng lao động (có công chứng), quyết định tiếp nhận hoặc điều động, biệt phái công tác có xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền và xác nhận của xã/phường về việc cơ quan đó nằm trong khu vực được ưu tiên (đối tượng a Mục 5.1).
- Bản sao thẻ thương binh/bệnh binh (có công chứng), các loại giấy tờ xác nhận có liên quan (đối tượng b,c,d,đ Mục 5.1).
- Bản sao chứng minh nhân dân, giấy khai sinh hoặc hộ khẩu có xác nhận của địa phương nơi cư trú (đối tượng e Mục 5.1).

## 4. Hồ sơ đăng ký dự thi: Bao gồm các loại giấy tờ sau:

(1) **01** Đơn đăng ký dự thi (theo mẫu của Trường Đại học Quy Nhơn) tại địa chỉ [tss.qnu.edu.vn](http://tss.qnu.edu.vn);

(2) **01** Đơn đăng ký học bổ sung kiến thức (theo mẫu của Trường Đại học Quy Nhơn) nếu thí sinh thuộc diện phải học bổ sung kiến thức tại địa chỉ [tss.qnu.edu.vn](http://tss.qnu.edu.vn);

(3) Sơ yếu lý lịch (theo mẫu của Trường Đại học Quy Nhơn) có thời hạn không quá 03 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ thi, được xác nhận bởi thủ trưởng cơ quan quản lý nhân sự hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú của thí sinh (Sơ yếu lý lịch có nhiều tờ phải được đóng dấu giáp lai vào tất cả các tờ);

(4) **01** bản sao có công chứng các giấy tờ sau:

- Bảng và bảng điểm (nếu có) tốt nghiệp đại học (Riêng thí sinh thuộc diện phải học bổ sung kiến thức thì Bảng điểm tốt nghiệp đại học bắt buộc phải có);
- Bảng và bảng điểm tốt nghiệp cao đẳng (nếu có);



- Bảng và bảng điểm đại học hoặc chứng chỉ ngoại ngữ (nếu có);
- Chứng chỉ bổ sung kiến thức (nếu có);
- Giấy xác nhận kinh nghiệm công tác chuyên môn (nếu **Sơ yếu lý lịch** được xác nhận bởi chính quyền địa phương nơi cư trú của thí sinh);
- Các loại giấy tờ xác nhận đối tượng ưu tiên (nếu có);

(5) **01** giấy chứng nhận đủ sức khỏe để học tập của bệnh viện đa khoa có thời hạn không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ dự thi;

(6) **03** ảnh màu cỡ 3 x 4 (ghi rõ họ tên, ngày sinh và nơi sinh của thí sinh vào mặt sau ảnh);

(7) **02** phong bì có dán tem và ghi rõ địa chỉ liên hệ của thí sinh;

(8) Giấy chứng nhận của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục Bộ Giáo dục và Đào tạo về các văn bằng tốt nghiệp do các cơ sở đào tạo đại học nước ngoài cấp (nếu có).

---

